

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 30/7/2024

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Duy Thuần

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 16/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20/6/2024, về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-PT ngày 03/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-PT ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Hồng N – sinh năm 1986;

Địa chỉ: 17/36B Nguyễn V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Hồ Lai H - sinh năm 1983;

Chỗ ở hiện nay: 148/25 V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Ông Hồ Lai H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu khởi kiện theo của nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng N và ông Hồ Lai H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/3/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến

đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Lai H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông Hồ Lai H chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về phía bị đơn theo các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Hồ Lai H vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng N được ly hôn với ông Hồ Lai H.

2. Về con chung: Bà Lưu Thị Hồng N và ông Hồ Lai H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/5/2024 bị đơn ông Hồ Lai H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông và tiếp tục công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lưu Thị Hồng N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Hồ Lai H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm cho bà Lưu Thị Hồng N được ly hôn với ông Hồ Lai H là phù hợp. Bởi lẽ, giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc niêm yết, tổng đạt văn bản thì ông H cho rằng mình không sinh sống tại địa chỉ số 221 Mai H, thành phố B từ tháng 11/2023 đến nay nên không nhận được bất cứ văn bản tố tụng nào của tòa án cấp sơ thẩm. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà N và ông H có đăng ký tạm trú tại địa chỉ nêu trên được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án do không tổng đạt trực tiếp được cho ông H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, việc ông H thay đổi nơi cư trú nhưng không có chứng cứ chứng minh, không cung cấp cho Tòa án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Lai H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Lai H, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Lưu Thị Hồng N và ông Hồ Lai H là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 30/03/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống ông bà chưa có con chung. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân với nhau từ đó đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Lưu Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, theo Biên bản xác minh ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B tại Tổ dân phố 9, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì ông H và bà N có đăng ký tạm trú và thuê phòng ở trọ tại địa chỉ 221 M, phường T, thành phố B cũng như quá trình sinh sống tại đây có phát sinh mâu thuẫn nên việc Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành Niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H tại địa chỉ nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó việc ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm không tổng đạt các văn bản cho ông và không đồng ý ly hôn với bà Lưu Thị Hồng N là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Hồng N không yêu cầu xem xét, giải quyết, ông Hồ Lai H cũng không kháng cáo về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Lai H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Lai H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 48/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lưu Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng N được ly hôn với ông Hồ Lai H.
2. Về con chung: Bà Lưu Thị Hồng N và ông Hồ Lai H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Lai H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Hồ Lai H đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0010170 ngày 27/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thanh Hà